

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2021/DS-PT

Ngày: 09-11-2021

V/v tranh chấp hợp đồng dân sự về
cam kết trả nợ thay

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tống Văn Viên.

Các Thẩm phán: Ông Lê Thành Trung.

Ông Trịnh Hữu Bình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mộng Tiền, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Bà Trần Hương Thủy, Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử phúc thẩm công Ki vụ án thụ lý số: 56/2021/TLPT-DS ngày 27 tháng 8 năm 2021, về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự về cam kết trả nợ thay”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 13/2021/DS-ST ngày 03 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 121/2021/QĐ-PT ngày 10 tháng 9 năm 2021 và Thông báo tiếp tục tiến hành phiên tòa số 08/TB-TA ngày 25 tháng 10 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Mai Thúy H, sinh năm 1965; địa chỉ: Khóm B, thị trấn L, huyện L, tỉnh Trà Vinh (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn Bà Mai Thúy H: Ông Nguyễn Văn N, Luật sư của Văn phòng luật sư Nguyễn Văn N thuộc Đoàn luật sư tỉnh Trà Vinh (có mặt).

- Bị đơn: Bà Trần Thị N, sinh năm 1967; địa chỉ: Khóm M, thị trấn L, huyện L, tỉnh Trà Vinh (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Trần Như Ngọc H1, sinh năm 1983; địa chỉ: Khóm M, thị trấn L, huyện L, tỉnh Trà Vinh (có mặt).

2. Ông Trần Minh K, sinh năm 1959; địa chỉ: Khóm N, thị trấn L, huyện L, tỉnh Trà Vinh (có mặt).

3. Bà Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1972; địa chỉ: Khóm N, thị trấn L, huyện L, tỉnh Trà Vinh (có mặt).

- *Người kháng cáo:* Bà Trần Thị N là bị đơn.

- *Viện kiểm sát kháng nghị:* Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời Ki trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Bà Mai Thúy H trình bày: Trước đây bà Trần Như Ngọc H1 có vay của bà số tiền 500.000.000 đồng nhưng do bà H1 không trả nên bà có nộp đơn khởi kiện yêu cầu bà H1 trả nợ tại Tòa án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh (thụ lý ngày 06/8/2018). Tuy nhiên, trong thời gian này bà H1 chuyển nhượng nhà đất cho ông Trần Minh K (anh ruột bà N) và bà Nguyễn Thị Kim T nên bà có yêu cầu Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời để ngăn chặn việc chuyển nhượng này. Ngày 07/8/2018 bà Trần Thị N, ông Trần Minh K và bà Trần Như Ngọc H1 đến gặp bà để xin bà rút lại đơn khởi kiện và rút lại việc bà yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời (Tòa án nhân dân huyện Càng Long đình chỉ giải quyết vụ án ngày 08/8/2018) để bà H1 được chuyển nhượng nhà đất cho vợ chồng ông K, bà T đồng thời bà N sẽ cam kết trả nợ thay cho bà H1 số tiền 500.000.000 đồng mà bà H1 nợ bà và bà N làm tờ cam kết và đưa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 235 của bà N cho bà giữ nên bà đã đồng ý rút lại đơn kiện bà H1 và rút lại yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời. Đến nay giữa bà H1 với ông K, bà T đã hoàn tất thủ tục sang nhượng nhà cho ông K nhưng bà N không thực hiện cam kết trả nợ cho bà. Nay bà yêu cầu bà N phải có nghĩa vụ thực hiện cam kết trả số tiền 500.000.000 đồng cho bà theo tờ cam kết ngày 07/8/2018.

Bị đơn bà Trần Thị N trình bày: Trước đây vào ngày 07/8/2018 bà với vợ chồng ông Trần Minh K (là anh ruột của bà) và bà Trần Như Ngọc H1 cùng với Bà Mai Thúy H có thỏa thuận với nhau là yêu cầu bà H rút lại đơn khởi kiện và rút lại yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời đối với nhà đất của bà H1 để cho bà H1 được hoàn tất thủ tục chuyển nhượng nhà đất này cho vợ chồng ông K và bà T thì bà đồng ý trả nợ thay cho bà H1 số tiền 500.000.000 đồng, bà có ghi Tờ cam kết và đưa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 235 giao cho bà H giữ. Hiện nay, bà H1 đã sang tên xong phần nhà đất này cho vợ chồng ông K, bà T giá chuyển nhượng là 2.500.000.000 đồng nhưng do số tiền bán nhà sau khi trừ giữa bà T với bà H1 (tiền bà H1 nợ 370.000.000 đồng, tiền trả nợ ngân hàng cho bà H1 1.300.000.000 đồng và tiền lãi) còn lại 814.846.000 đồng do bà T giữ để

giao cho bà H1 thì bị Cơ quan cảnh sát Công an tỉnh Trà Vinh yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự tỉnh Trà Vinh quản lý để đảm bảo cho việc thi hành án cho bà H1 trong vụ án hình sự về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” nên bà không có nghĩa vụ trả nợ thay cho bà H1. Nay bà không đồng ý trả nợ 500.000.000 đồng cho bà H vì bà có làm cam kết trả nợ thay cho bà H1 với sự đồng ý của bà H1 số tiền này được trừ vào tiền bán nhà của bà H1 cho ông K.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Như Ngọc H1 trình bày: Bà thống nhất với lời khai của bà Mai Thúy H. Trước đây bà có nợ bà H 500.000.000 đồng do bà không có khả năng trả nên bà H khởi kiện yêu cầu bà trả nợ. Trong thời gian này ngày 01/8/2018 bà lập hợp đồng chuyển nhượng nhà đất cho ông Trần Minh K (anh ruột bà N) và vợ Nguyễn Thị Kim T với giá 2.500.000.000 đồng để trừ nợ còn dư 814.000.000 đồng nhưng chưa hoàn tất thì bị bà H yêu cầu Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời để ngăn chặn việc chuyển nhượng này. Đến ngày 07/8/2018 bà Trần Thị N, ông Trần Minh K, đến gặp bà để cho bà thương lượng với bà H rút lại đơn kiện và yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời để bà được chuyển nhượng nhà đất cho vợ chồng ông K, bà T đồng thời bà N sẽ cam kết trả nợ thay cho bà số tiền 500.000.000 đồng nhưng không được trừ vào số tiền bán nhà. Nay bà đã hoàn tất thủ tục sang nhượng nhà và đất sang tên xong cho ông K như thỏa thuận nên bà N phải có trách nhiệm trả nợ 500.000.000 đồng cho bà H như cam kết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Kim T và ông Trần Minh K trình bày: Vào tháng 8/2018, vợ chồng ông bà có mua nhà gắn liền với đất thửa 238 của bà H1 với giá 2.500.000.000 đồng sau khi trừ nợ bà H1 thì vợ chồng ông bà (tiền bà H1 nợ 370.000.000 đồng, tiền trả nợ ngân hàng cho bà H1 1.300.000.000 đồng và tiền lãi) còn lại 814.864.000 đồng. Trong quá trình làm thủ tục chuyển nhượng thì bà H ngăn cản như nguyên đơn trình bày là đúng. Sau khi thỏa thuận thì bà N cam kết sẽ trả nợ thay như nguyên đơn và bị đơn trình bày. Tuy nhiên, trong thỏa thuận thì số tiền trả nợ thay này sẽ được trừ vào tiền bà H1 bán nhà còn dư 814.864.000 đồng. Hiện nay bà H1 đã hoàn tất thủ tục sang tên nhà đất thửa 238 cho vợ chồng ông bà xong. Đối với số tiền của bà H1 bán nhà đất còn lại 814.864.000 đồng hiện Cơ quan Thi hành án dân sự tỉnh Trà Vinh đã tạm thu giữ 314.846.000 đồng để đảm bảo thi hành án cho bà H1 trong vụ án hình sự về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” còn lại 500.000.000 đồng yêu cầu Tòa án xem xét.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 13/2021/DS-ST ngày 03 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 161, Điều 264, Điều 266, Điều 267, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 274, Điều 278, Điều 280, Điều 284, Điều 370 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bà Mai Thúy H.

Buộc bà Trần Thị N phải có nghĩa vụ thực hiện cam kết T toán số tiền 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng) cho bà Mai Thúy H.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí giám định và quyền kháng cáo của đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 09/6/2021, bà Trần Thị N kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm, bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; bà không đồng ý chịu chi phí giám định, án phí; buộc bà Mai Thúy H trả lại cho bà giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ngày 22/6/2021, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh có Quyết định kháng nghị số 12/QĐKNPT-VKS-DS đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Bà Mai Thúy H trình bày: Phần cam kết của bà N trong tờ cam kết ngày 07/9/2018 thỏa thuận bà N trả cho bà H số tiền 500.000.000 đồng thay cho bà H1 nên nội dung này đã chuyển giao quyền, nghĩa vụ từ bà H1 sang bà N theo quy định tại Điều 340 của Bộ luật dân sự năm 2015 và được các bên thừa nhận. Tờ cam kết có nội dung khi nào bà T, ông K hoàn tất thủ tục sang tên quyền sử dụng nhà, đất thì trả đủ tiền cho bà H chứ không có thỏa thuận tiền chuyển nhượng nhà của bà H1. Pháp luật không cho phép bà Nhiệm đứng ra bảo lãnh cho bà H1 bằng tài sản của bà H1 nên việc bà Nhiệm khai bảo lãnh có điều kiện bằng tài sản của bà H1 là không đúng và việc bảo lãnh như vậy không mang ý nghĩa gì. Nội dung cam kết của bà N không có ghi cam kết trả từ nguồn tiền nào và có thể chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà N, nên đây là bảo lãnh bằng tài sản của bà N; bà N cũng thừa nhận do anh bà đã làm thủ tục chuyển nhượng từ bà H1 nhưng không được nên thỏa thuận để bà H rút đơn khởi kiện cho anh bà hoàn tất thủ tục sang tên. Bà H đã thực hiện đúng nghĩa vụ rút đơn thì bà N phải thực hiện đúng nghĩa trả tiền. Về nội dung ghi trong tờ cam kết bản chính thì ghi “không trừ vào tiền bán nhà”, còn tờ cam kết bản phô tô thì ghi “trừ vào tiền bán nhà” thì có 02 nội dung khác nhau. Tại phiên tòa ngày 06/10/2021 thì bà N không thừa nhận việc này vì bà cho rằng ghi không có ý kiến của bà nhưng tại phiên tòa hôm nay bà N lại cho rằng bà đồng ý. Bà N thay đổi lời

khai vì tại phiên tòa trước đây lời khai của bà N không phù hợp với kháng nghị của Viện kiểm sát. Đối với tờ cam kết là bản photo không có chữ “không” do Viện kiểm sát cung cấp cho Tòa án là văn bản photo không có chứng thực nên đây không phải là chứng cứ mà phải là tài liệu gốc. Về chữ “không” khác màu mực trong tờ cam kết bản gốc thì bà H1 đã trình bày do bà không đồng ý cho bà N trừ vào tiền chuyển nhượng đất nên bà H1 có nói với bà N ghi thêm vào bà N cũng đồng ý nhưng ghi bằng cây viết khác nên mới khác màu mực, đây là nghĩa vụ của bà H1, chứ không liên quan gì đến bà H. Trong tờ cam kết này có hai nội dung, phần nội dung sau do bà H1 tự ghi vào không có giá trị pháp lý, nội dung đầu do bà N ghi có giá trị phải được công nhận. Về lời khai của bà H tại cơ quan điều tra, bà H cho rằng cơ quan điều tra gợi ý nếu tiền bán nhà còn thì bà có yêu cầu không thì bà H có yêu cầu là phù hợp nhưng việc ghi chép như thế nào thì bà H không rõ, đây là việc cơ quan điều tra ghi lời khai trong quá trình tâm soát bị hại và xác định bà H không phải bị hại nên không xem xét trong vụ án hình sự mà dành cho khởi kiện ở một vụ án khác là phù hợp vì bà H1 có nợ bà H nhưng bà N đã có văn bản cam kết trả nợ thay nên cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ. Đề nghị cấp phúc thẩm xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H, không chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát và yêu cầu kháng cáo của bà N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử tại phiên tòa cũng như việc chấp hành pháp luật của các bên đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Giấy cam kết đề ngày 07/8/2018 gồm có 03 phần, phần 1 có nội dung bà N cam kết trả nợ cho bà H thay cho bà H1 số tiền 500.000.000 đồng nên phần này được bà N là bên bảo lãnh, bà H1 là bên được bảo lãnh và bà H là bên nhận bảo lãnh, tất cả 03 bên thừa nhận. Phần 2 có nội dung như sau: “Tôi đồng ý thỏa thuận này tại Tòa án Càng Long. 7/8/2018 (số tiền này không trừ vào số tiền mua nhà (2.500.000.000) Hai tỷ rưỡi đồng”, đây được xem như là phạm vi cam kết bảo lãnh. Phần 3 do quá trình giữ giấy cam kết, bà H khai bà tự đưa cho bà H1 ghi, bà N không hay biết, bà N không thừa nhận. Theo lời khai của bà H phần 1 và phần 2 của tờ cam kết được viết vào ngày 07/8/2021, tờ giấy cam kết này được bà H giữ từ ngày 07/8/2021 đến ngày nộp cho Tòa án cấp sơ thẩm, bà H không có ý kiến phản đối với tờ cam kết này, dưới phần 2 của tờ cam kết có chữ ký xác nhận của bà H, thể hiện bà H thống nhất với Giấy cam kết này cả phần 1 và phần 2. Bà N cho rằng bà chỉ cam kết trả nợ cho bà H thay cho bà H1 trong số tiền bán nhà 2.500.000.000 đồng, tờ cam kết lúc đầu không có chữ “không”, chữ không do bà H đưa cho bà H1 thêm vào lúc nào bà không biết vì bà H là người giữ tờ cam kết từ khi viết đến khi giải quyết vụ án. Quá trình giải quyết vụ án, bà N có yêu cầu giám định chữ “không” trong tờ cam kết, tại Kết luận số 03/KLGD ngày 11/01/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Trà Vinh kết luận: Chữ viết nội dung “Tôi đồng ý thỏa thuận này tại Tòa án Càng Long. 7/8/2018 (số tiền này không trừ vào số tiền mua nhà (2.500.000.000) Hai tỷ rưỡi đồng” có chữ viết “không” không cùng màu mực với

các chữ viết còn lại. Do đó, căn cứ biên bản ghi lời khai của Bà Mai Thúy H ngày 25/8/2018, ngày 05/12/2018; biên bản ghi lời khai của bà Trần Như Ngọc H1 ngày 25/8/2018 do Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Trà Vinh lập và Kết luận giám định số 03/KLGĐ ngày 11/01/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Trà Vinh có cơ sở xác định phạm vi bảo lãnh mà bà N cam kết trả nợ cho bà H thay cho bà H1 là 500.000.000 đồng nằm trong số tiền bán nhà của bà H1. Sở dĩ bà N không thực hiện được việc bảo lãnh của mình là do số tiền chuyển nhượng nhà, đất còn lại 814.000.000 đồng của bà H1 bị Cơ quan cảnh sát điều tra kê biên để thi hành Bản án hình sự phúc thẩm số 530/2020/HS-PT ngày 14/9/2020 của Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh, đây là điều kiện khách quan. Mặt khác, tại Bản án hình sự sơ thẩm số 07/2019/HS-ST ngày 21/3/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh có nhận định dành riêng cho bà H khởi kiện bà H1 đối với số tiền 500.000.000 đồng bằng một vụ án dân sự khác nên quyền lợi của bà H không bị mất. Tòa án cấp sơ thẩm không đề cập đến giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà bà N đưa cho bà H để làm tin, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà N. Khoản 1 Điều 95 Bộ luật tố tụng dân sự về xác định nguồn chứng cứ quy định: Tài liệu đọc được nội dung được coi là bản chính hoặc bản sao có công chứng, chứng thực hợp pháp hoặc do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cung cấp, xác nhận. Như vậy tài liệu có trong hồ sơ kiểm sát được Viện kiểm sát cung cấp, xác nhận chính là nguồn chứng cứ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Xét đơn kháng cáo của bà Trần Thị N, kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh còn trong hạn luật định nên Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Về nội dung vụ án:

[2] Về nội dung thỏa thuận chuyển giao nghĩa vụ trả nợ thay giữa bị đơn bà Trần Thị N với nguyên đơn bà Nguyễn Thị H cụ thể bị đơn có nghĩa vụ trả số tiền nợ của bà Trần Như Ngọc H1 bằng 500.000.000 đồng cho nguyên đơn được thể hiện tại “Giấy cam kết” đề ngày 07/8/2018 (BL 20) và cũng được các đương sự thừa nhận nên đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Từ nội dung thỏa thuận này nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả cho mình số tiền 500.000.000 đồng, bị đơn không đồng ý nên phát sinh tranh chấp.

[3] Bị đơn bà Trần Thị N cho rằng việc bà cam kết trả nợ thay cho bà Trần Như Ngọc H1 với điều kiện cản trừ số tiền 500.000.000 đồng vào tiền chuyển nhượng nhà đất, nhưng số tiền bán nhà còn lại 814.864.000 đồng đã bị Cơ quan thi hành án tỉnh Trà Vinh tạm kê biên để đảm bảo thi hành án các khoản nợ của bà Trần Như Ngọc H1 trong vụ án hình sự nên bà không đồng ý trả nợ cho nguyên đơn. Theo nội dung “Giấy cam kết” đề ngày 07/8/2018 thì bà Trần Thị N có trách nhiệm trả nợ thay cho bà Trần Như Ngọc H1 số tiền 500.000.000 đồng; tuy nhiên phía sau nội dung cam kết của bà Trần Thị N là nội dung thỏa thuận đồng ý của bà Trần Như Ngọc H1 thống nhất cản trừ số tiền 500.000.000 đồng này vào tiền chuyển nhượng nhà đất; phần nội dung do bà Trần Như Ngọc H1 có ghi chữ “không” vào nội dung “...số tiền này trừ vào tiền bán nhà...”, theo Kết luận giám định số 03/KLGD ngày 11/01/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Trà Vinh xác định chữ “không” không cùng màu mực với các chữ viết còn lại, không xác định được chữ “không” có được viết cùng thời gian với các chữ viết còn lại. Tại phiên tòa bà Trần Như Ngọc H1 cũng thừa nhận chữ “không” do bà thêm vào sau, vì khi bà đọc tờ cam kết mới phát hiện nội dung ghi trong tờ cam kết bà đồng ý trừ vào số tiền chuyển nhượng nhà đất nên bà đề nghị viết chữ “không” vào tờ cam kết để tờ cam kết có nội dung bà không đồng ý cản trừ vào tiền chuyển nhượng nhà đất và bà N đồng ý nên bà viết thêm chữ “không” vào. Phía bà N không thừa nhận việc có đồng ý cho bà H1 viết thêm chữ “không” vào tờ cam kết mà bà N cho rằng tờ cam kết thỏa thuận trừ vào tiền chuyển nhượng nhà đất nên không có cơ sở chấp nhận lời trình bày này của bà H1. Trong phần ghi thêm này phía dưới có chữ ký của Bà Mai Thúy H, tại phiên tòa bà H cũng thừa nhận chữ ký này là của bà nên có cơ sở xác định bà H có biết việc thỏa thuận cản trừ vào tiền bán nhà và đồng ý với thỏa thuận này vì tờ cam kết này từ khi bà N giao cho bà H thì bà H cất giữ cho đến nay.

[4] Theo lời khai của Bà Mai Thúy H tại biên bản ghi lời khai của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Trà Vinh ngày 23/8/2018 và 05/12/2018 thì bà thừa nhận bà N cam kết trả số tiền 500.000.000 đồng bằng tiền chuyển nhượng nhà của bà H1. Do đó có cơ sở khẳng định đây là sự thỏa thuận chuyên giao nghĩa vụ trả tiền nhưng có điều kiện nhưng do điều kiện là số tiền chuyển nhượng nhà của bà H1 đã bị cơ quan thi hành án kê biên để đảm bảo khoản nợ của bà H1 trong vụ án hình sự về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” không thể thực hiện được nên thỏa thuận chuyên giao nghĩa vụ này không có giá trị pháp lý. Từ đó, bà H khởi kiện yêu cầu bà N phải thực hiện nghĩa vụ trả số tiền 500.000.000 đồng là không có căn cứ chấp nhận.

[5] Do thỏa thuận chuyên giao nghĩa vụ trả nợ thay không có giá trị pháp lý và tại Bản án hình sự số 07/2019/HS-ST ngày 21/3/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh có dành cho bà H khởi kiện bà H1 đối với số tiền 500.000.000 đồng bằng vụ án khác nên quyền khởi kiện của bà H đối với số tiền 500.000.000 đồng vẫn còn.

[6] Đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (số CH 125625 cấp cho bà Trần Thị N ngày 29/5/2017) mà bà N giao cho bà H khi cam kết trả nợ thay, trong quá trình giải quyết vụ án bà N có yêu cầu được nhận lại nhưng cấp sơ thẩm không giải quyết trong cùng vụ án là thiếu sót, tuy nhiên thiếu sót này không ảnh hưởng đến nội dung vụ án, cấp phúc thẩm cần sửa phần này của án sơ thẩm.

[7] Từ các nhận định và phân tích nêu trên, xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn, kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh, ý kiến của vị Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận, ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là không có căn cứ nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận, sửa án sơ thẩm.

[8] Về án phí sơ thẩm: Bà Mai Thúy H phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Về án phí phúc thẩm: Bà Trần Thị N không phải chịu án phí phúc thẩm, hoàn trả cho bà Trần Thị N 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0006404 ngày 09/6/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh.

[10] Về chi phí giám định: Buộc Bà Mai Thúy H phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Trần Thị N.

Chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 13/2021/DS-ST ngày 03 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bà Mai Thúy H về việc yêu cầu bà Trần Thị N phải có nghĩa vụ thực hiện cam kết trả số tiền 500.000.000 đồng (*Năm trăm triệu đồng*).

2. Buộc Bà Mai Thúy H trả lại cho bà Trần Thị N giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 125625 cấp cho bà Trần Thị N ngày 29/5/2017.

3. Về chi phí giám định: Buộc Bà Mai Thúy H phải chịu 2.430.000 đồng (*Hai triệu bốn trăm ba chục ngàn đồng*) tiền chi phí giám định chữ viết; số tiền này bà Trần Thị N đã nộp tạm ứng và chi xong; khi nào cơ quan Thi hành án dân sự huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh thu của bà Mai Thúy H số tiền 2.430.000 đồng sẽ hoàn trả lại cho bà Trần Thị N.

4. Về án phí sơ thẩm: Buộc bà Mai Thúy H phải chịu 24.000.000 đồng (*Hai mươi bốn triệu đồng*) án phí dân sự sơ thẩm; nhưng được trừ vào 12.000.000 đồng (*Mười hai triệu đồng*) tiền tạm ứng án phí bà Mai Thúy H đã nộp theo biên lai thu số 0003981 ngày 26/11/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh; Bà Mai Thúy H phải nộp tiếp số tiền 12.000.000 đồng (*Mười hai triệu đồng*) tại Cơ quan thi hành án.

5. Về án phí phúc thẩm: Bà Trần Thị N không phải chịu án phí phúc thẩm, hoàn trả cho bà Trần Thị N 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0006404 ngày 09/6/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh.

Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- TAND huyện Càng Long;
- VKSND huyện Càng Long;
- Chi cục THADS huyện Càng Long;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tổng Văn Viên